

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 235/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 13/7/ 2021

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Châu Vũ Sơn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

2. Ông Trương Phước Công.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Tường Vi, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C M, tỉnh A G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C M, tỉnh A G không tham gia phiên tòa.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C M xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 316/2021/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 04 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 290/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2021 Quyết định hoãn phiên tòa số 277/2021/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1985; địa chỉ: ấp M H, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh A G; có mặt.

Người bảo vệ Q và lợi ích hợp pháp cho ông Nguyễn Văn C là luật sư Nguyễn Văn P – Văn phòng luật sư Nguyễn Văn P, thuộc đoàn luật sư tỉnh A G; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp M H, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh A G; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày, ông và bà Ph sau thời gian tự tìm hiểu và được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới năm 2003, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện C M, tỉnh A G, vào ngày 22/3/2008. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung tên Nguyễn Tấn H, sinh ngày 30.11.2004; Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/07/2008. Hiện tại, con chung đang được ông C chăm sóc nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Sau thời gian chung sống đến năm 2014, ông C, bà Ph thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, do bà Ph không lo làm ăn, mỗi lần ông C nói là có chuyện xảy ra. Vợ chồng không còn sống chung từ cuối năm 2014 đến nay.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên ông C yêu cầu được ly hôn với bà Ph; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung, không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi con; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Giấy chứng nhận kết hôn số 76/2008, quyển số 01/2008 do Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện C M, tỉnh A G cấp ngày 22/3/2008; Giấy khai sinh của Nguyễn Thị Mỹ Q do Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện C M cấp ngày 17/7/2008 (bản sao); Giấy khai sinh của Nguyễn Tấn H do Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện C M cấp ngày 30/11/2004 (bản sao);

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Ngoài các tài liệu, chứng cứ đã cung cấp cho Tòa án, ông C không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người bảo vệ Q lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Văn P có văn bản trình bày ý kiến:

- Về hôn nhân: Ông C và bà Ph sau thời gian tự tìm hiểu sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện C M, tỉnh A G, ông bà sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, trong cuộc sống thường xuyên cự cãi, tính tình không phù hợp nhau, bà Ph không lo làm ăn. Ông và bà Ph không còn sống chung từ cuối năm 2014 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa ông C, bà Ph không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân

không đạt được. Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông C với bà Ph.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Tấn H, sinh ngày 30.11.2004; Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/07/2008. Hiện tại, con chung đang được ông C chăm sóc nuôi dưỡng, đề nghị Hội đồng xét xử giao 02 con chung cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn C xác định không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Ph đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ông Nguyễn Văn C khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Ph cư trú ấp M H, xã M H Đ, huyện C M, tỉnh A G, Tòa án nhân dân huyện C M thụ lý giải quyết là đúng thẩm Q, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bà Nguyễn Thị Ph đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Ph theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Ông C và bà Ph sau thời gian tự tìm hiểu sống chung với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện C M, tỉnh A G, ông bà sống chung hạnh phúc đến cuối năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, do bà Ph không lo làm ăn, mỗi lần ông C nói là có chuyện xảy ra. Ông và bà Ph không còn sống chung từ cuối năm 2014 cho đến nay, như vậy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung giữa ông C, bà Ph không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bà Ph nhưng bà Ph không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của ông C. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông C với bà Ph theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Ông C xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 02 con chung Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/7/2008; Nguyễn Tấn H, sinh ngày 30/11/2004, hiện 02 cháu đang sống chung với ông C. Khi ly hôn ông C

yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Tuy nhiên, việc giao con cho ai nuôi cần phải xem xét mọi mặt về Q lợi của con chưa thành niên, hiện nay cháu Q, cháu H sống ổn định với ông C vẫn phát triển tốt về thể chất và tinh thần. Trong quá trình làm việc Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Q, cháu H thì các cháu có nguyện vọng muốn sống chung với ông C, bà Ph cũng không có ý kiến phản đối. Do đó, Hội đồng xét xử giao cháu Q, cháu H cho ông C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do ông C không yêu cầu bà Ph cấp dưỡng nuôi cháu Giàu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông C xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 53, các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 28, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C.

1. Về hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Nguyễn Thị Ph.

Giấy chứng nhận kết hôn 76 ngày 22/3/2008 do Ủy ban nhân dân xã Kiến An, huyện C M, tỉnh A G cấp cho ông Nguyễn Văn C, bà Nguyễn Thị Ph không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung:

Ông Nguyễn Văn C được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung tên Nguyễn Thị Mỹ Q, sinh ngày 17/7/2008; Nguyễn Tấn H, sinh ngày 30/11/2004. Bà Nguyễn Thị Ph không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Ông Nguyễn Văn C cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà Nguyễn Thị Ph trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm Q, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn C, xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0007616 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C M, tỉnh A G cấp ngày 16 tháng 4 năm 2021; ông Nguyễn Văn C đã nộp đủ án phí.

Bà Nguyễn Thị Ph không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

5. Đương sự có mặt tham gia phiên toà có Q làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện C M (2);
- TAND tỉnh A G (1);
- Chi cục THADS huyện C M (1);
- UBND xã K A, huyện C M, tỉnh A G (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn